

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS-ST.

Ngày: 05/4/2019.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng
2. Bà Trần Ngọc Diệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trực – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 263/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phùng Văn T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp LH, xã GL, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Vũ B, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: ấp TB, xã TTB, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Đặng Ngọc L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: khu phố B, phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Ông B có đơn xin xét xử vắng mặt, ông L vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phùng Văn T và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Vũ B trình bày:

Do quen biết nên ông Phùng Văn T có cho ông Đặng Ngọc L vay tiền trong nhiều lần để đáo hạn ngân hàng, cụ thể:

- Đợt 1 từ ngày 28/6/2016 đến ngày 18/7/2016, ông T cho ông L vay tiền 03 lần:

+ Lần 1: Ngày 28/6/2016, ông T cho ông L vay số tiền 120.000.000 đồng, hai bên có ký Hợp đồng vay mượn tiền, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng TH, thành phố BT cùng ngày. Thời hạn vay 01 tháng. Ông L đã nhận đủ số tiền, có ký tên xác nhận tại mặt sau của Hợp đồng vay mượn tiền.

+ Lần 2: Ngày 30/6/2016, ông T cho ông L vay 50.000.000 đồng, ông L có viết biên nhận cho ông T.

+ Lần 3: Ngày 18/7/2016, ông T cho ông L vay 50.000.000 đồng, ông L có viết biên nhận cho ông T.

Tổng cộng: 220.000.000 đồng. Ông L hứa sẽ trả nợ vào ngày 20/8/2016.

- Đợt 2: ngày 22/7/2016, ông T cho ông L vay số tiền 230.000.000 đồng, hai bên có lập Hợp đồng vay mượn tiền. Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng TH, thành phố BT cùng ngày. Thời hạn trả nợ vay vào ngày 20/8/2016. Ông L đã nhận đủ số tiền, có ký tên xác nhận tại mặt sau Hợp đồng.

Tổng cộng 02 đợt, ông L đã vay số tiền 450.000.000 (Bốn trăm năm mươi triệu) đồng.

Đến hạn trả nợ, ông T không liên lạc được với ông L, khi đến nhà gặp cha mẹ ông L thì được biết ông L đã bỏ đi không rõ địa chỉ. Do ông L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đặng Ngọc L phải trả số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi đối với số tiền 220.000.000 đồng theo lãi suất 0.75%/tháng kể từ ngày 20/8/2016 đến ngày 20/3/2019, yêu cầu tính lãi đối với số tiền 230.000.000 đồng theo lãi suất 0.75%/tháng kể từ ngày 20/9/2016 đến ngày 20/3/2019. Việc cho vay tiền là giao dịch giữa riêng ông T và ông L nên ông T chỉ yêu cầu một mình ông L chịu trách nhiệm trả số nợ trên.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để triệu tập ông Đặng Ngọc L tới Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông Đặng Ngọc L không đến, do đó Tòa án không thể lấy lời khai của ông Đặng Ngọc L cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Phùng Văn T khởi kiện ông Đặng Ngọc L yêu cầu trả số tiền vốn và lãi theo các Hợp đồng vay tiền đã ký kết. Xét quan hệ tranh chấp giữa ông Phùng Văn T và ông Đặng Ngọc L là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Đặng Ngọc L đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố B, phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre nhưng hiện nay không còn cư trú tại địa chỉ trên. Nguyên đơn ông Phùng Văn T đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ của bị đơn ông Đặng Ngọc L được ghi trong các Hợp đồng vay mượn tiền được công chứng vào ngày 28/6/2016 và ngày 22/7/2016. Việc ông L thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong Hợp đồng mà không thông báo cho ông Phùng Văn T nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự 2015 được xem là cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Căn cứ theo địa chỉ cư trú của bị đơn được ghi trong hợp đồng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Đặng Ngọc L đã được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Đặng Ngọc L.

[2] Về nội dung: Hợp đồng vay mượn tiền ngày 28/6/2016 và Hợp đồng vay mượn tiền ngày 22/7/2016 được công chứng tại Văn phòng công chứng TH, thành phố BT theo đúng quy định của pháp luật; các Biên nhận ngày 30/6/2016 và 18/7/2016 nguyên đơn khai do ông Đặng Ngọc L viết và ký tên khi nhận tiền của nguyên đơn trên cơ sở tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên hợp pháp và phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã nhiều lần mời ông L đến hòa giải nhưng ông L vẫn cố tình vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Ông L cũng không có ý kiến phản đối hay cung cấp tài liệu chứng cứ gì khác cho Tòa án. Sau khi xem xét các Hợp đồng vay mượn tiền ngày 28/6/2016, Biên nhận ngày 30/6/2016, Biên nhận ngày 18/7/2016 và Hợp đồng vay mượn tiền ngày 22/7/2016 do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử thấy các Hợp đồng vay mượn tiền và biên nhận nợ thể hiện nội dung đúng như ông T trình bày. Từ ngày 28/6/2016 đến ngày 22/7/2016, ông L đã vay tiền của ông T trong nhiều lần: ngày 28/6/2016 vay 120.000.000đồng, ngày 30/6/2016 vay 50.000.000đồng, ngày 18/7/2016 vay 50.000.000đồng, ngày 22/7/2016 vay 230.000.000đồng. Ông L đã nhận đủ số tiền tổng cộng 450.000.000đồng nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay theo thỏa thuận nên việc ông T khởi kiện là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do yêu cầu khởi kiện của ông T là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu tính lãi, kể từ ngày 20/8/2016, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn, nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với số tiền 220.000.000đồng theo lãi suất 0.75%/tháng kể từ ngày 20/8/2016 đến ngày 20/3/2019 và yêu cầu tính lãi đối với số tiền 230.000.000đồng theo lãi suất 0.75%/tháng kể từ ngày 20/9/2016 đến ngày 20/3/2019 là phù hợp quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên được chấp nhận. Yêu cầu tính lãi của ông T được tính cụ thể như sau:

$$- 220.000.000\text{đồng} \times 0.75\%/\text{tháng} \times 31 \text{ tháng} = 51.150.000 \text{ đồng.}$$

- $230.000.000\text{đồng} \times 0.75\%/\text{tháng} \times 30 \text{ tháng} = 51.750.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi ông L phải trả cho ông T là $450.000.000\text{đồng} + 51.150.000 \text{ đồng} + 51.750.000\text{đồng} = 552.900.000\text{đồng}.$

Ghi nhận việc ông T chỉ yêu cầu một mình ông L chịu trách nhiệm trả số tiền trên.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Đặng Ngọc L phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là : $20.000.000\text{đ} + (552.900.000\text{đ} - 400.000.000\text{đ}) \times 4\% = 26.116.000\text{đồng}$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 3 Điều 40, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015.

- Điều 476 Bộ luật dân sự 2005.

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 149, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

- Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn T: Buộc ông Đặng Ngọc L chịu trách nhiệm trả cho ông Phùng Văn T số tiền 552.900.000 (Năm trăm năm mươi hai triệu chín trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Đặng Ngọc L phải chịu là 26.116.000 (Hai mươi sáu triệu một trăm mười sáu nghìn) đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho ông Phùng Văn T số tiền tạm ứng án phí là 11.250.000 (Mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai số 0000813 ngày 21/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chỉ cục THADS TP BT.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương